

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2024/HS-ST
Ngày 25-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quang Chuẩn;
Ông Đặng Quang Tùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1951 tại huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 02/10 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Q và bà Tạ Thị T (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Minh C (đã chết) và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân: + Ngày 07/9/2017 bị Phòng C2 Công an tỉnh C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi ghi số đề theo Quyết định số 37/QĐ-XPHC bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 2.863.000 đồng. Đã thi hành xong ngày 08/9/2017.

+ Ngày 29/11/2021 bị Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng tuyên phạt 120.000.000 đồng về Tội tổ chức đánh bạc, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 321; điểm o, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự theo Bản án số 149/2021/HS-ST. Đã thi hành xong kể từ ngày 22/9/2022.

Bị cáo hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Hà Thị T1**, sinh ngày 28 tháng 9 năm 1959 tại huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; trình độ văn hoá: lớp 10/10 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Phúc T2, sinh

năm 1936 và bà Hoàng Thị N (đã chết); có chồng là Hứa Văn D, sinh năm 1959 và 03 con; tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân: Ngày 09/02/2021 bị Phòng C2 Công an tỉnh C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi số lô, số đề trái phép theo Quyết định số 54/QĐ-XPHC bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 350.000 đồng. Đã thi hành xong kể từ ngày 12/3/2021. Bị cáo hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: **Vũ Thị H1**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1962 tại huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 05/10 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình H2 và bà Đình Thị L (đều đã chết); có chồng là Lưu Doãn P, sinh năm 1958 và 04 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

4. Họ và tên: **Nông Thị T3**, sinh ngày 02 tháng 03 năm 1976 tại huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Cán bộ Điện lực huyện N, tỉnh Cao Bằng; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Ích C1, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị T4 (đã chết); có chồng là Hoàng Văn B, sinh năm 1970 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

5. Họ và tên: **Lưu Thị X**, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1979 tại huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 07/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn T5, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1956; có chồng là Nông Văn D1, sinh năm 1976 và 02 con;

Tiền sự: Có 01 tiền sự, cụ thể: Ngày 31/01/2023 bị Công an huyện N, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng. Đã thi hành xong kể từ ngày 10/02/2023;

Tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể: Ngày 08/6/2023 bị Toà án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, quy định tại khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo Bản án số 19/2023/HS-ST;

Nhân thân: Ngày 31/10/2013 bị Công an huyện N, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 27/QĐXPHC.

Bị cáo hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Thị X: Bà Phùng Thị U – Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

Người làm chứng:

- Đặng Thanh S, sinh năm 1958; Trú tại: Tổ B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- Lý Thị N1, sinh năm 1956; Trú tại: Tổ C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- Hà Thị D2, sinh năm 1968; Trú tại: Tổ B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- Nguyễn Thị U, sinh năm 1963; Trú tại: Tổ A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- Hoàng Thị H3, sinh năm 1977; Trú tại: Tổ D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 55 phút ngày 02/01/2024 tại Tổ B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Phòng C2 Công an tỉnh C bắt quả tang Hà Thị T1 (sinh năm 1959, trú tại tổ B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng) và Vũ Thị H1 (sinh năm 1962, trú tại tổ D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng) đang có hành vi ghi nhận số lô, số đề trái phép. Vật chứng thu giữ gồm nhiều đồ vật, tài sản, tài liệu (có bảng thống kê chi tiết kèm theo) liên quan đến hành vi ghi nhận số lô, số đề trái phép của Hà Thị T1 và Vũ Thị H1.

Tiên hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hà Thị T1 tại tổ B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C phát hiện và tạm giữ: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lãnh Thị N2; 02 (hai) quyền sở tay màu đen tại vị trí ngăn kéo trên cùng bên phải quầy lễ tân ở tầng một nhà nghỉ M; 01 (một) căn cước công dân mang tên Hà Thị T1; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Huy B2 tại phòng 103 tầng một nhà nghỉ M; 01 (một) máy tính nhãn hiệu Casio, mặt trước có dòng chữ JS-40TS đã qua sử dụng; 01 (một) giấy phép đăng ký tổng đại lý - đại lý

bán vé xổ số kiến thiết Cao Bằng số 158 cấp cho Hà Thị T1 do Hà Thị T6 tự giác giao nộp.

Quá trình điều tra đủ căn cứ khẳng định: Trong quá trình làm tổng đại lý của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên X1 Nguyễn Thị H (sinh năm 1951, trú tại tổ D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng) đã tự mình đứng ra để nhận ghi và trả thưởng số lô, số đề trái phép với Hà Thị T1 nhằm mục đích để hưởng lợi cá nhân. Cách thức và tỷ lệ chơi số lô, số đề được thống nhất: Đối với số đề T1 nhận từ 77% đến 80% tức là khách chơi số tiền 100.000 đồng thì T1 chỉ lấy số tiền 77.000 đồng đến 80.000 đồng rồi chuyển cho H 75%, hưởng chênh lệch 02% đến 05% trên tổng số tiền đề; số lô Thu nhận của khách từ 22.500 đồng đến 23.000 đồng trên 01 (một) điểm lô rồi chuyển cho H 22.000 đồng, hưởng chênh lệch từ 500 đồng đến 1.000 đồng trên 01 (một) điểm lô; lô xiên và số đề ba càng T1 nhận của khách từ 95% đến 100% rồi chuyển cho H 90%, hưởng chênh lệch từ 05% đến 10%. Về cơ cấu và cách thức trả thưởng được lấy kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để làm căn cứ, theo đó đối với số đề thì lấy hai số cuối của giải đặc biệt để làm căn cứ, nếu trúng thưởng được trả số tiền gấp 70 lần. Đối với số lô thì căn cứ vào 02 (hai) số cuối của tất cả các giải thưởng, nếu trúng số lô thì 01 (một) điểm sẽ được trả 80.000 đồng. Đối với số lô xiên thì lấy 02 số cuối của tất cả các giải thưởng để làm căn cứ, gồm lô xiên 2 là có 02 cặp số, lô xiên 3 là có 03 cặp số, nếu trúng lô xiên 2 thì 10.000 đồng được trả 100.000 đồng, trúng lô xiên 3 thì 10.000 đồng được trả 400.000 đồng. Còn đối với số đề ba càng thì lấy ba số cuối của giải đặc biệt để làm căn cứ, nếu trúng thưởng được trả số tiền gấp 350 lần.

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/12/2023 đến ngày 02/01/2024, Hà Thị T1 đã mua bán số lô, số đề trái phép cho nhiều khách chơi trên địa bàn huyện N thu được tổng số tiền tương ứng là 259.487.888 đồng, bao gồm cả số tiền xác định để trúng thưởng là 80.560.000 đồng. Trong đó có 07 (bảy) ngày có tổng số tiền dùng để đánh bạc tương ứng trên 20.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền mua bán trái phép số lô, số đề được T1 chuyển hết cho Nguyễn Thị H, thu lợi bất chính tổng số tiền 7.290.857 đồng, H thu lợi bất chính tổng số tiền 61.073.166 đồng. Trong số những người mua bán số lô, số đề trái phép với T1 xác định được 03 (ba) người có số tiền đánh bạc có giá trị tương ứng từ 5.000.000 đồng trở lên hoặc đã bị kết án về hành vi đánh bạc chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, gồm:

1. Vũ Thị H1 đã lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để thực hiện việc mua bán trái phép số lô, số đề với các khách chơi địa bàn huyện N, tỉnh Cao Bằng rồi sau đó chuyển cho Hà Thị T1 để hưởng chênh lệch phần trăm. Cách thức mua bán số lô, số đề trái phép được thống nhất: Đối với số lô H1 nhận 01 (một) điểm là 23.000 đồng và chuyển đi 22.500 đồng, hưởng lợi 5.00 đồng trên 01 (một) điểm lô; số đề H1 nhận 80% tức là khách chơi số tiền 100.000 đồng thì H1 chỉ lấy số tiền 80.000 đồng rồi chuyển đi 77%, hưởng chênh lệch 03% trên tổng số tiền đề; lô xiên và số đề ba càng H1 nhận

của khách 100% chuyển đi 95%, hưởng chênh lệch 05% (năm phần trăm). Về cơ cấu và cách thức trả thưởng tương tự như đối với Nguyễn Thị H. Trong khoảng thời gian từ ngày 27/12/2023 đến ngày 02/01/2024, H1 đã mua bán trái phép số lô, số đề với các khách chơi trên địa bàn huyện N được tổng số tiền tương ứng là 68.696.242 đồng, bao gồm cả số tiền trúng thưởng là 15.230.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 1.296.887 đồng. Trong đó xác định được cả 06 (sáu) ngày đều có số tiền dùng để đánh bạc tương ứng trên 5.000.000 đồng, ngày cao nhất có số tiền là 14.030.000 đồng.

2. Nông Thị T3 (sinh năm 1976, trú tại tổ C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng) là người trực tiếp mua bán số lô, số đề trái phép với Hà Thị T1. Từ ngày 01 đến ngày 02/01/2024, T3 đã mua số lô, số đề trái phép với T1 hết tổng số tiền tương ứng là 13.170.000 đồng. Trong đó có ngày 01/01/2024 có tổng số tiền tương ứng dùng để mua số lô, số đề trái phép là 11.440.000 đồng, bao gồm cả số tiền xác định trúng thưởng là 9.200.000 đồng.

3. Lưu Thị X (sinh năm 1979, trú tại xóm N, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng) là người trực tiếp mua bán số lô, số đề trái phép với Hà Thị T1. Ngày 02/01/2024, X đã mua số lô, số đề trái phép với T1 hết tổng số tiền 110.000 đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi đánh bạc, Lưu Thị X đang chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo về Tội đánh bạc theo Bản án số 19/2023/HS-ST, ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C xác định 01 (một) thẻ căn cước công dân số 004159000340 mang tên Hà Thị T1 không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của T1. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã trả lại thẻ căn cước công dân kể trên cho T1 để tiếp tục quản lý và sử dụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1, Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X đều khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Ngày 08-5-2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 22/CT-VKSCB.P2 truy tố Nguyễn Thị H về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Hà Thị T1 về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1, Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Thị Thu t 90.000.000đ – 100.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị H1 từ 50.000.000đ – 60.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Thị T3 từ 25.000.000đ – 30.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Thị X từ 06-09 tháng tù; Tổng hợp hình phạt với Bản án số 19/2023/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị:

Cần truy thu khoản tiền do phạm tội mà có đối với các bị cáo sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 61.073.166 đồng, bị cáo Hà Thị T1 số tiền 7.290.857đ, bị cáo Vũ Thị H1 số tiền 1.296.877đ (một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Tịch thu số tiền do phạm tội mà có đối với các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước: Bị cáo Vũ Thị H1 số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Bị cáo Hà Thị T1 số tiền: 660.000đ (Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước: 03 (ba) điện thoại di động của các bị cáo: Bị cáo Nông Thị T3: 01 (một) điện thoại di động, bị cáo Hà Thị T1: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng, bị cáo Vũ Thị H1: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 đã qua sử dụng.

Trả cho các bị cáo số tài sản gồm: Bị cáo Lưu Thị X: 01 (một) điện thoại di động có bàn phím cơ đã qua sử dụng, bị cáo Nguyễn Thị H: 01 (một) điện thoại di động có bàn phím cơ đã qua sử dụng, nhãn hiệu: NOKIA, bị cáo Hà Thị T1: 01 (một) Đầu thu dữ liệu màu đen, viền cạnh phía trước có in dòng chữ "KBVISION"; mặt sau đầu thu có dán tem nhãn mác "KBVISION", có mã QR và dòng ký tự chữ và số: S/N 6B02340PAZD117B. Đầu thu đã qua sử dụng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Phùng Thị Ư trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Lưu Thị X: Nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều luật. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét các căn cứ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Về nhân thân và hoàn cảnh gia đình, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh gia đình khó khăn, văn hóa thấp học hết lớp 7 phổ

thông, nhận thức pháp luật hạn chế, gia đình bị cáo có cụ nội là Liệt sĩ, bố chồng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, mẹ đẻ tham gia công dân hỏa tuyến và tại địa phương bị cáo tham gia tổ vay vốn được Ngân hàng chính sách tặng nhiều Giấy khen. Đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử bị cáo mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị. Bị cáo Lưu Thị X nhất trí với luận cứ bào chữa, không có ý kiến bổ sung.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1, Vũ Thị H1, Nông Thị T3 không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1, Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại giai đoạn điều tra các bị cáo đều khai nhận tội; tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng hành vi các bị cáo thực hiện. Xét lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị H và Hà Thị T1, lời khai của bị cáo Hà Thị T1 và Vũ Thị H1, lời khai của các bị cáo Nông Thị T3, Lưu Thị X và Hà Thị T1 phù hợp nhau về thời gian, hình thức, số tiền mua bán số lô, số đề trái phép; phù hợp với lời khai người làm chứng là những người chơi đều thừa nhận được mua bán số lô, số đề với bị cáo T1, bị cáo H1 và phù hợp với các tài liệu, vật chứng thu giữ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 17 giờ 55 phút ngày 02-01-2024 đối với Hà Thị T1 và Vũ Thị H1; Biên bản khám xét nơi ở đối với Hà Thị T1, biên bản tạm giữ đồ vật tài sản đối với các bị cáo thu giữ nhiều tài liệu liên quan đến việc mua bán số lô, số đề trái phép; Biên bản kiểm tra trích xuất dữ liệu điện tử điện thoại của các bị cáo Hà Thị T1, Vũ Thị H1 đều thể hiện nội dung tin nhắn liên quan đến hành vi mua bán số lô, số đề trái phép; Tài liệu thống kê số lô, số đề do cơ quan Công an lập có xác nhận của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Xét thấy các tài liệu chứng cứ được cơ quan điều tra thu thập là khách quan và đúng trình tự thủ tục tố tụng hình sự; Như

vậy, có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/12/2023 đến ngày 02/01/2024, lợi dụng việc làm tổng đại lý của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên X1 tại khu vực thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng, Nguyễn Thị H đã có hành vi tổ chức đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái phép với Hà Thị T1 thu được tổng số tiền tương ứng là 259.487.888 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 61.073.166 đồng (sáu mươi một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó có 07 (bảy) ngày có số tiền dùng để đánh bạc tương ứng trên 20.000.000 đồng. Hà Thị T1 thu lợi bất chính tổng số tiền 7.290.857 đồng.

Trong số những người đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái phép với Hà Thị T1 xác định được có Vũ Thị H1 có 06 (sáu) ngày có số tiền dùng để đánh bạc tương ứng trên 5.000.000 đồng, với tổng số tiền tương ứng là 68.696.242 đồng; ngày cao nhất có số tiền là 14.030.000 đồng. T7 lợi bất chính tổng số tiền 1.296.887 đồng. Nông Thị T3 có 01 (một) ngày đánh bạc với tổng số tiền tương ứng là 11.440.000 đồng; Lưu Thị X có 01 (một) ngày đánh bạc với tổng số tiền tương ứng là 110.000đ (một trăm mười nghìn đồng). Tại thời điểm thực hiện hành vi đánh bạc, Lưu Thị X đang chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo về Tội đánh bạc theo Bản án số 19/2023/HS-ST, ngày 08/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích, động cơ phạm tội là nhằm kiếm tiền bất hợp pháp bằng hành vi bị pháp luật nghiêm cấm.

Hành vi tổ chức đánh bạc trái phép với số tiền thu lợi bất chính là 61.073.166đ của Nguyễn Thị H đã phạm vào tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi tổ chức đánh bạc trái phép 07 lần, với số tiền dùng đánh bạc mỗi lần từ trên 20.000.000đ của Hà Thị T1 đã phạm vào tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi đánh bạc trái phép 06 lần với số tiền dùng đánh bạc mỗi lần trên 5.000.000đ của Vũ Thị H1; 01 lần với số tiền 11.440.000đ của Nông Thị T3; hành vi các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Lưu Thị X đã mua số lô, số đề trái phép với T1 với tổng số tiền 110.000 đồng. Tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi đánh bạc, Lưu Thị X đang chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo về Tội đánh bạc theo Bản án số 19/2023/HS-ST, ngày 08/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; do vậy hành vi bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố Nguyễn Thị H về tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Hà Thị T1 về tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, không oan.

Hành vi Tổ chức đánh bạc của các bị cáo Nguyễn Thị Hòa p vào tội rất nghiêm trọng, hành vi của Hà Thị T1 phạm vào tội nghiêm trọng; hành vi đánh bạc của các bị cáo Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X là ít nghiêm trọng. Hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý trước pháp luật để răn đe giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo và làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ở địa phương.

[3] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

- Đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1 phạm tội Tổ chức đánh bạc: Bị cáo Nguyễn Thị H giữ vai trò là đầu mối nhận số lô, số đề trái phép của Hà Thị T1; giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công thực hiện tội phạm mà chỉ thống nhất về cách thức thời gian chuyển số lô, số đề, phương thức thanh toán tiền và tiền phần trăm chênh lệch được hưởng. Bị cáo H là người trực tiếp nhận số lô, số đề trái phép rồi tự chi trả tiền cược hưởng lợi tiền cược, tiền thưởng, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Tổ chức đánh bạc với số tiền hưởng lợi; bị cáo T1 chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm với bị cáo H.

- Đối với các bị cáo phạm tội đánh bạc: Bị cáo Vũ Thị H1 nhận số lô, số đề từ các khách chơi, sau đó tổng hợp và chuyển Hà Thị T1 để hưởng lợi phần trăm, bị cáo H1 với vai trò đồng phạm với bị cáo T1. Đối với các bị cáo Nông Thị T3, Lưu Thị X là người mua bán số lô, số đề trái phép với bị cáo Hà Thị T1, các bị cáo Nông Thị T3, Lưu Thị X chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo Vũ Thị H1, Nông Thị T3 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Thị H có nhân thân xấu, cụ thể:

- Ngày 07/9/2017 bị Phòng C2 Công an tỉnh C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi ghi số đề theo Quyết định số 37/QĐ-XPHC bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 2.863.000 đồng. Đã thi hành xong ngày 08/9/2017.

- Ngày 29/11/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tuyên phạt 120.000.000 đồng về Tội tổ chức đánh bạc, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 321; điểm o, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự theo Bản án số 149/2021/HS-ST. Đã thi hành xong kể từ ngày 22/9/2022.

Bị cáo Hà Thị T1 có nhân thân xấu: Ngày 09/02/2021 bị Phòng C2 Công an tỉnh C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi số lô, số đề trái phép theo Quyết định số 54/QĐ-XPHC bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 350.000 đồng. Đã thi hành xong kể từ ngày 12/3/2021.

Bị cáo Lưu Thị X có 01 tiền sự, cụ thể: Ngày 31/01/2023 bị Công an huyện N, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng. Đã thi hành xong kể từ ngày 10/02/2023 và có 01 Tiền án: Ngày 08/6/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, quy định tại khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo Bản án số 19/2023/HS-ST;

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1, Vũ Thị H1 cùng phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các Nông Thị T3, Lưu Thị X không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1, Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị H được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hà Thị T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác*” vì trong quá trình công tác là Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Cao Bằng bị cáo được tặng nhiều Bằng khen, năm 2007 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T8 Bằng khen theo quyết định số 3359/QĐ-UB ngày 19/12/2005, số 207/QĐ-UBND ngày 01/2/2007, số 179/QĐ-UBND ngày 03/02/2009, năm 2010 được Liên đoàn lao động tỉnh C tặng Bằng khen và được tặng thưởng nhiều giấy khen, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nông Thị T3 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Hà Thị T1 có bố đẻ là ông Hà Phúc T2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, Huy chương chiến thắng hạng hai nên xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nông Thị T3 quá trình công tác tại Điện lực huyện N, tỉnh Cao Bằng được tặng thưởng nhiều Giấy khen nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lưu Thị X được tặng thưởng nhiều giấy khen và có mẹ là bà Nguyễn Thị B1 tham gia công dân hỏa tuyến nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra trong quá trình chuẩn bị xét xử các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1, Vũ Thị H1 đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; do vậy, các bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân người phạm tội, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội rất nghiêm trọng, nhân thân xấu đã bị xử phạt vi phạm hành chính và đã bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội nên phải áp dụng hình phạt tù là hình phạt chính đối với bị cáo để bảo đảm tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

- Đối với bị cáo Lưu Thị X phạm tội trong thời gian thử thách, do đó cần xử buộc bị cáo hình phạt tù và tổng hợp hình phạt của bản án cho hưởng án treo.

- Đối với các bị cáo Hà Thị T1, Vũ Thị H1, Nông Thị T3 không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo vẫn bảo đảm tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào nhân thân người phạm tội, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H hành vi phạm vào tội rất nghiêm trọng, nhân thân bị cáo là xấu, bị cáo được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nên khi quyết định hình phạt cũng cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và buộc bị cáo chấp hành án phạt tù, tuy nhiên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Hà Thị T1 hành vi phạm vào tội nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo vẫn bảo đảm tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo Vũ Thị H1, Nông Thị Thi hành vi phạm vào tội ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt mà chỉ cần áp

dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo vẫn bảo đảm tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo Lưu Thị X phạm tội trong thời gian thử thách, do vậy cần xử buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, sau đó tổng hợp hình phạt chung của hai bản án theo Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lưu Thị X hưởng mức án thấp Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét quyết định.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”; khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Lưu Thị X. Đối với các bị cáo Hà Thị T1, Vũ Thị H1, Nông Thị T3 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và truy thu sung công quỹ số tiền liên quan đến hành vi phạm tội đối với các bị cáo để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với những vật chứng là điện thoại và đầu thu không liên quan đến hành vi phạm tội thì trả cho bị cáo; còn những vật chứng là điện thoại của các bị cáo là phương tiện thực hiện tội phạm cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1, Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Các bị cáo Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H **04** năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Thị T1: **100.000.000đ** (một trăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị H1: **50.000.000đ** (năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Thị T3: **25.000.000đ** (hai mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Thị X **06** tháng tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 19/2023/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo **09** tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án là **15** tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Truy thu khoản tiền do phạm tội mà có đối với các bị cáo sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:*

+ Bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 61.073.166 đồng (sáu mươi một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số: 0001217 ngày 20/6/2024 và được khấu trừ khi thi hành án.

+ Bị cáo Hà Thị T1 số tiền 7.290.857đ (bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng). Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 7.490.857đ (bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên lai thu tiền số 0000271 ngày 18/6/2024 và được khấu trừ khi thi hành án.

+ Bị cáo Vũ Thị H1 số tiền 1.296.877đ (một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng). Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1.496.877đ (một triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng). tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên lai thu tiền số 0000274 ngày 21/6/2024 và được khấu trừ khi thi hành án.

- *Tịch thu số tiền do phạm tội mà có đối với các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước:*

+ Bị cáo Vũ Thị H1 số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

+ Bị cáo Hà Thị T1 số tiền: 660.000đ (Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) (Toàn bộ số tiền 1.660.000đ đã được chuyển vào tài khoản tạm gửi của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại K Chi nhánh tỉnh C theo Giấy nộp tiền ngày 31/5/2024).

- *Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước: 03 (ba) điện thoại di động của các bị cáo:*

+ Bị cáo Nông Thị T3: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhân hiệu S2 đã qua sử dụng, màu sắc của máy: tím; số sê-ri: RF8R31HBDXR;

IMEI 1: 356835252555767; IMEI 2: 358934992555761. Bên trong điện thoại có gắn 01 (một) thẻ sim, mặt trên sim có in dãy số: 89840200010533148102.

+ Bị cáo Hà Thị T1: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng, màu sắc của máy: vàng đồng, số sê-ri: GR6FH012KPH6; IMEI 1: 353123101278896; IMEI 2: 353123101459892. Bên trong điện thoại có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL, mặt trên sim có in dãy số: 8984048000316619789.

+ Bị cáo Vũ Thị H1: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 đã qua sử dụng, màu sắc của máy: xanh; số sê-ri: R58T42SGYNP; IMEI 1: 354690578691586; IMEI 2: 3558648686911585. Bên trong điện thoại có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL, mặt trên sim có in dãy số: 8984048000023260717.

-Trả cho các bị cáo số tài sản gồm:

+ Bị cáo Lưu Thị X: 01 (một) điện thoại di động có bàn phím cơ đã qua sử dụng, nhãn hiệu: ACE, màu sắc của máy: đen. Số IMEI 1: 359053915856724; IMEI 2: 359053915856732. Bên trong điện thoại được gắn thẻ sim của số thuê bao 0366.216.493.

+ Bị cáo Nguyễn Thị H: 01 (một) điện thoại di động có bàn phím cơ đã qua sử dụng, nhãn hiệu: NOKIA, màu sắc của máy: đen. Số S1-ri 1: (IMEI 1): 353163114618290; số sê-ri 2 (IMEI 2): 353163115618299. Bên trong điện thoại được một gắn thẻ sim VIETTEL, trên sim in dãy số: 8984048000080362982, đây là thẻ sim của số thuê bao: 0925.262.422.

+ Bị cáo Hà Thị T1: 01 (một) Đầu thu dữ liệu màu đen, viền cạnh phía trước có in dòng chữ "KBVISION"; mặt sau đầu thu có dán tem nhãn mác "KBVISION", có mã QR và dòng ký tự chữ và số: S/N 6B02340PAZD117B. Đầu thu đã qua sử dụng.

Xác nhận các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 111 ngày 31 tháng 5 năm 2024.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1, Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Hà Thị T1, Vũ Thị H1, Nông Thị T3, Lưu Thị X có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Quang Chuẩn Đặng Quang Tùng

Nông Biên Hòa

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng PC 02 Công an tỉnh CB;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng PC10 Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA (02);
- Cục THA dân sự;
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án; HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa